

DUNG DỊCH TIÊM

VINZIX.inj

Thành phần: Công thức bào chế cho 1 ống 2 ml:

Furosemid.....20,0 mg

Tá dược (Natri clorid, natri hydroxyd), nước cất pha tiêm vđ..2,0 ml

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Qui cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 5 ống x 2 ml, Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2 ml, Hộp 1 vỉ x 5 ống x 2 ml, Hộp 2 vỉ x 6 ống x 2 ml, Hộp 1 vỉ x 6 ống x 2 ml.

Dược lực học:

Furocemid là thuốc lợi tiểu dẫn chất sulfonamid thuộc nhóm tác dụng nhanh, mạnh, phụ thuộc liều lượng. Thuốc tác dụng ở nhánh lên của quai Henle, vì vậy được xếp vào nhóm thuốc lợi tiểu quai. Thuốc ức chế hệ thống đồng vận chuyển Na^+ , K^+ , Cl^- ở đoạn dày của nhánh lên quai henle, làm tăng thải trừ các chất điện giải này kèm theo tăng bài xuất nước.

Tác dụng lợi tiểu của thuốc mạnh, do đó kéo theo tác dụng hạ huyết áp, nhưng thường yếu. Ở người bệnh phù phổi, furosemid gây tăng thể tích tĩnh mạch, do đó làm giảm huyết áp tiền gánh cho thất trái trước khi thấy rõ tác dụng lợi tiểu.

Dược động học:

Khi tiêm tĩnh mạch, tác dụng của thuốc thể hiện sau khoảng 5 phút và kéo dài khoảng 2 giờ. Với người bệnh phù nặng, khả dụng sinh học của thuốc giảm, có thể do ảnh hưởng trực tiếp của việc giảm hấp thu qua đường tiêu hóa.

Một phần ba lượng thuốc hấp thu được thải trừ qua thận, phần còn lại thải trừ qua nước tiểu, chủ yếu dưới dạng không chuyển hóa, thuốc thải trừ hoàn toàn trong 24 giờ.

Chỉ định:

- Phù do nguồn gốc tim, gan hay thận.
- Phù phổi, phù não, nhiễm độc thai.
- Cao huyết áp nhẹ hay trung bình (trong trường hợp cao huyết áp nhẹ dùng đơn độc hay phối hợp với các thuốc cao huyết áp khác).
- Liều cao dùng điều trị thiếu niệu do suy thận cấp hoặc mạn, ngộ độc barbiturat.

Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng tùy thuộc vào tình trạng của bệnh nhân và đáp ứng khi điều trị.

- Người lớn: 20 - 40 mg/ ngày, tiêm bắp hay tiêm tĩnh mạch chậm. Khi cần có thể lặp lại sau mỗi 2 giờ.

- Thiếu niệu trong suy thận cấp và mạn: khởi đầu 240 mg (12 ống)/ ngày pha loãng trong 250 ml nước muối sinh lý hay dung dịch Ringer truyền tĩnh mạch trong 1 giờ (tốc độ 80 giọt/phút). Nếu không hiệu quả thì sau 1 giờ có thể truyền tiếp 500 mg. Nếu vẫn không hiệu quả thì sau 1 giờ có thể truyền tiếp 1000 mg trong 4 giờ. Nếu với liều tối đa 1000 mg mà vẫn không hiệu quả, bệnh nhân cần phải được lọc thận nhân tạo. Liều hiệu quả có thể được lặp lại mỗi 24 giờ hoặc chuyển sang dùng đường uống.

- Trẻ em: 0,5 - 1 mg/kg/ngày.

Chống chỉ định:

- Mất điện giải, tiền hôn mê, hôn mê gan, suy thận do các thuốc gây độc với thận và gan.
- Tăng nhạy cảm với Furosemid hoặc các sulfamid khác.
- Tắc đường tiểu, suy thận kèm bí đái.
- Tăng huyết áp thai nghén.

Thận trọng:

- Theo dõi Na, K huyết, chức năng thận nhất là với người sơ gan.
- Khi dùng liều cao và kéo dài, cần kiểm soát điện giải đồ, bù thêm thực phẩm

giàu Kali hay bù Kali.

- Huyết áp và cung lượng tim của bệnh nhân trụ mạch phải trở về bình thường trước khi điều trị.
 - Furosemid phải được dùng thận trọng trong bệnh nhân phì đại tuyến tiền liệt vì nó có thể gây tắc nghẽn đường niệu cấp.
 - Khi điều trị lâu dài ở những bệnh nhân tiểu đường, cần phải theo dõi đường huyết và tăng liều Insulin nếu cần.
 - Thận trọng trong những bệnh nhân có rối loạn chuyển hóa acid uric.
 - Trong 1 vài trường hợp cao huyết áp ác tính, có thể phối hợp với mất Natri, dùng lợi tiểu khi đó sẽ có hại.
 - Trong sơ gan cổ trướng, làm thay đổi quá nhanh cân bằng nước điện giải có thể đưa đến hôn mê gan.
 - Rượu, barbiturat và diazepam có thể làm tăng tác dụng hạ áp tư thế của furosemid.
 - Khi khởi đầu điều trị, không nên lái xe hoặc vận hành máy móc nặng.
 - Khi tiêm truyền, không được pha furosemid với các loại thuốc khác.
- Phụ nữ có thai:* ở 6 tháng của thời kỳ đầu thai kỳ chỉ sử dụng khi thấy có lợi ích rõ rệt.

Phụ nữ cho con bú: ức chế sự tiết sữa và hiện diện trong sữa.

Tương tác thuốc:

- Không dùng chung với Lithium, cephalosporin, aminoglycosid vì làm tăng độc tính trên thận và tai.
- Dùng thận trọng với các thuốc hạ áp, thuốc lợi tiểu đường uống, corticoid, digitalis.
- Khi dùng với các thuốc ức chế men chuyển phải ngừng thuốc lợi tiểu 3 ngày trước khi dùng thuốc ức chế men tăng chậm liều.
- Với các chất cản quang có iod, bù nước trước khi dùng vì gây nguy cơ suy thận cấp.

Tác dụng không mong muốn:

- Nôn, buồn nôn, tiêu chảy, khó tiêu, rối loạn thị giác, ù tai, điếc thoáng qua, dị cảm, hạ huyết áp tư thế đứng, viêm tụy cấp, tổn thương gan, tăng nhạy cảm với ánh sáng.
- Tiểu quá nhiều sẽ đưa đến choáng váng, mệt mỏi, yếu cơ, khát nước và tăng số lần đi tiểu. Hiếm gặp dị ứng da, ức chế tủy xương (thiếu máu, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu), rối loạn nước, điện giải, giảm Natri huyết, tăng Nitơ huyết, tăng acid uric huyết.

“Thông báo cho thấy thuốc những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

Quá liều và cách xử trí:

Biểu hiện: Mất cân bằng nước và điện giải bao gồm: đau đầu, yếu cơ, chuột rút, khát nước, huyết áp tụt, chán ăn, mạch nhanh.

Xử trí: bù lại nước và điện giải đã mất.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không sử dụng thuốc quá thời hạn in trên hộp, ống thuốc

Bảo quản: Để nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS.

“Thuốc này chỉ dùng theo đơn của Bác sĩ”

Để xa tầm tay trẻ em.

***“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến Thấy thuốc”***

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC- VINPHACO

Địa chỉ: Số 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc

ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc